TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN IA GRAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/DS-ST
Ngày 04/8/2022
V/v Tranh chấp
Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Chí Công
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Ksor Thí
2. Bà Nguyễn Thị Mý

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Khánh Hạ, Thư ký Toà án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai *tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 259/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng D
Địa chỉ: 130 A, quận P, TP. H.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.
Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Thanh T – Chức vụ Tổng Giám đốc.
Người được uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Văn M – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng D – Chi nhánh G.
Địa chỉ: 01 Phạm Văn Đ, phường T, thành phố P, tỉnh G.
Người được uỷ quyền lại: Ông Trần Trung H – Nhân viên Phòng phát triển kinh doanh (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Siu K và bà Puih P
Địa chỉ: Làng K xã Ia, huyện Ia, tỉnh G (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn trình bày: Ngân hàng D cho bị đơn vay 300.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số N.0475/119 ngày 10/7/2019 với thời hạn 12 tháng, lãi suất 11%/năm, quá hạn 16,50%/năm để đầu tư nông nghiệp. Bị đơn có thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số N0434/TC18 ngày 06/7/2018 gồm: quyền sử dụng 9.149m^2 đất tại thửa số 128, tờ bản đồ số 30, địa chỉ: làng Kăm, xã Ia Krăi, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai theo giấy CNQSD đất số T 628379 do UBND huyện Ia Grai cấp ngày 20/4/2001. Trong quá trình vay ngày 10/7/2019 đến 15/11/2021 bị đơn đã trả được 16.700.000đ tiền lãi trong hạn. Đến ngày 11/7/2020 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ lãi quá hạn. Nay Ngân hàng yêu cầu bị đơn trả cho Ngân hàng 300.000.000đ tiền gốc, lãi trong hạn từ ngày 10/7/2019 đến ngày 10/72020 là 33.090.411đ, đã trả 16.700.000đ, còn lại 16.390.411đ, lãi quá hạn từ ngày 01/7/2020 đến ngày 04/8/2022 là 102.390.411đ, tổng cộng là 418.780.822đ và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả nợ xong. Nếu bị đơn không trả nợ đầy đủ thì đề nghị Toà án xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn đã được Toà án đã cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do, cũng không có ý kiến trình bày gửi cho Toà án.

Phát biểu quan điểm, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án. Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 và khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 288, 317, 318, 319, 323, 463, 466, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 167 và Điều 168 Luật đất đai năm 2013; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn phải trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng và tiền lãi phát sinh cho đến khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Nếu bị đơn không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc đương sự phải chịu án phí và xử lý tiền chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ngân hàng D khởi kiện ông Siu K và bà Puih P để yêu cầu trả số nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng. Ngoài ra Ngân hàng còn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ. Do vậy đây là tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26

Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Hợp đồng tín dụng số hợp đồng tín dụng số N.0475/119 ngày 10/7/2019 có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015 và Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên phát sinh các quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Khi đến hạn trả nợ bị đơn không trả đầy đủ nợ gốc và trả đầy đủ tiền lãi cho Ngân hàng như đã thoả thuận là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên ngày 16/11/2021 nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ gốc 300.000.000đ theo hợp đồng tín dụng nói trên là có căn cứ.

[3]. Về yêu cầu trả nợ lãi trong hợp đồng tín dụng: Xét sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên trong hợp đồng tín dụng nêu trên (lãi trong hạn 11%/năm, lãi quá hạn = 16,5%) là phù hợp với quy định của Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và Luật Các tổ chức tín dụng và Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi trong đó có xác định rõ lãi trên nợ gốc trong hạn và quá hạn chưa trả trả tương ứng với thời hạn vay và trả nợ phù hợp với quy định của pháp luật.

Như vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 300.000.000đ tiền nợ gốc, lãi trong hạn còn lại 16.390.411đ, lãi quá hạn là 102.390.411đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 418.780.822đ.

[4]. Về việc xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số N0434/TC18 ngày 06/7/2018 thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật. Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ, tài sản thế chấp thuộc quyền sử dụng của bên thế chấp và không có tranh chấp; tài sản trên thực tế phù hợp với các nội dung của hợp đồng thế chấp và đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật về giao dịch bảo đảm. Do đó, trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng nói trên, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý toàn bộ tài sản đã thế chấp (bao gồm cả quyền sử dụng đất và toàn bộ các tài sản gắn liền với đất tại thời điểm xử lý) để thu hồi nợ.

[5]. Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã tạm nộp tiền chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ là 5.000.000đ. Số tiền trên đã chi đủ cho cho công việc thẩm định. Căn cứ vào điều 157 và 158 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn 5.000.000đ chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ.

[6]. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 và khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 288, 317, 318, 319, 323, 463, 466, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 167 và Điều 168 Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng D.

2. Ông Siu K và bà P phải liên đới trả cho Ngân hàng D tiền nợ gốc là 300.000.000đ, tiền lãi trong hạn còn lại là 16.390.411đ, lãi quá hạn là 102.390.411đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 418.780.822đ *(bốn trăm mười tám triệu bảy trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng)*. *Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04/8/2022) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.*

3. Trong trường hợp ông Siu K và bà Puih P không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ thì Ngân hàng D có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án, cụ thể: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 128, tờ bản đồ số 30, địa chỉ: làng Kăm, xã Ia Krăi, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai theo giấy CNQSD đất số T 628379 do UBND huyện Ia Grai cấp ngày 20/4/2001.

4. Về chi phí tố tụng: ông Siu K và bà Puih P phải liên đới hoàn trả cho Ngân hàng D Á 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

- Ông Siu K và bà Puih P phải liên đới chịu 20.751.233đ (*hai mươi triệu bảy trăm năm mươi mốt nghìn hai trăm ba mươi ba đồng)* án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước;

- Hoàn trả cho Ngân hàng D toàn bộ số tiền đã tạm nộp là 9.584.623đ *(chín triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn sáu trăm hai mươi ba đồng)* theo biên lai thu số 0008390 ngày 09/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia, tỉnh G.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- Toà án tỉnh;
- VKSND huyện;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Chí Công